

# Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

## Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 2.6.2020

---

## CÁI NHÌN TÍCH CỰC

### 145. Kinh Giáo Giới Phú-Lâu-Na (Punṇovāda Sutta)

*Tôn giả Punṇa nguyên là một thương buôn đến từ Sunāparanta một vùng châu thổ của sông Irrawaddy River, gần Pagan Miến Điện ngày nay. Đến Sāvattthi buôn bán không lâu, Punṇa phát tâm xuất gia theo Phật. Có lẽ tự biết sức khoẻ có hạn nên quyết định trở về cố hương và đã thỉnh cầu Đức Phật dạy về pháp hành để tự mình tu tập. Đức Phật cũng lưu ý về sự bảo thủ cực đoan của những dân Sunāparanta có thể là trở ngại cho sự tu tập cho Punna. Những gì Tôn giả Punṇa trả lời trở thành câu chuyện truyền đời về cái nhìn như lý tác ý.*

#### 671. Lời cầu pháp của một người cầu tu cầu học

*Tự biết bán thế xuất gia và tuổi đã lớn, Tôn giả Punṇa khẩn khoản thỉnh cầu Bạch Đạo Sư chỉ dẫn về pháp hành:*



#### Kinh Văn

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sāvattthī (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tịnh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Tôn giả Punṇa (Phú-lâu-na), vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Punṇa bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt cho con, để con có thể, sau khi nghe Thế Tôn, sống một mình, nhàn tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

-- Vậy này Puṇṇa, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Puṇṇa vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

-- Này Puṇṇa, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú, dục hỷ sanh; và này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ. Này Puṇṇa, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức; khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú tham đắm, dục hỷ sanh; và này Puṇṇa. Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ.

Này Puṇṇa, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ. Này Puṇṇa, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ.

### **672. Vấn đề đôi khi không phải là ở cái gì được thấy mà ở góc nhìn**

*Đức Phật sau khi hướng dẫn pháp tu đã nêu lên những câu hỏi về trú xứ. Tôn giả Puṇṇa đã trả lời bằng cái nhìn của chánh tư niệm:*



### **Kinh Văn**

Này Puṇṇa, Ông sẽ sống ở quốc độ nào, nay Ông đã được Ta giáo giới với lời giáo giới vẫn tất?

-- Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vẫn tắt, có một quốc độ tên là Sunāparanta (Tây phương Du-na Quốc), con sẽ sống tại đây.

-- Nay Punṇa, người nước Sunāparanta là hung bạo. Nay Punṇa, người nước Sunāparanta là thô ác. Nay Punṇa, nếu người nước Sunāparanta mắng nhiếc Ông, nhục mạ Ông, thời này Punṇa, tại đây Ông sẽ như thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunāparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, người nước Sunāparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunāparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

-- Nhưng này Punṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy tay đánh đập Ông, thời này Punṇa, tại đây Ông sẽ nghĩ như thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy tay đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: ""Thật là thiện, người nước Sunāparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunāparanta này! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy! Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

-- Nhưng này Punṇa, nếu các người nước Sunapa ranta lấy các cục đất ném đánh Ông, thời này Punṇa, tại đây Ông sẽ nghĩ thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy cục đất ném đánh con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunāparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunāparanta! Vì rằng họ không lấy gậy đánh đập ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

-- Nhưng này Punṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy gậy đánh đập Ông, thời này Punṇa, tại đây Ông nghĩ thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy gậy đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunāparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunāparanta! Vì rằng họ không lấy dao đánh đập ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

-- Nhưng này Punṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy dao đánh đập Ông, thời này Punṇa, tại đây Ông nghĩ thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy dao đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunāparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunāparanta! Vì rằng họ không lấy đao sắc bén đoạt hại mạng ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

-- Nhưng này Puṇṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy dao sắc bén đoạt hại mạng Ông, thời này Puṇṇa, tại đây Ông nghĩ thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta sẽ lấy dao sắc bén đoạt hại mạng con; thời tại đây con sẽ nghĩ như sau: "Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

-- Lành thay, lành thay, này Puṇṇa! Này Puṇṇa, Ông có thể sống trong nước Sunāparanta, khi Ông có được đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh này. Này Puṇṇa, Ông nay hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

### **673. Là tân tỳ kheo nhưng có hành trạng của một trưởng tử Như Lai**

*Mặc dù tu chưa lâu nhưng Tôn giả Puṇṇa thể hiện đầy đủ những điểm đáng kính trong sự học pháp, hành pháp, chứng pháp và hoằng pháp:*



#### **Kinh Văn**

Rồi Tôn giả Puṇṇa, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, lấy y bát, rồi ra đi, đi đến nước Sunāparanta. Tiếp tục du hành, (Tôn giả Puṇṇa) đi đến nước Sunāparanta. Tại đây, Tôn giả Puṇṇa sống trong nước Sunāparanta. Rồi Tôn giả Puṇṇa nội trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, chứng được Tam minh. Sau một thời gian, Tôn giả Puṇṇa mệnh chung.

Rồi một số đông Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Thiện nam tử Punna ấy, sau khi được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới vẫn tất đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đòi sau của vị ấy là thế nào?

-- Này các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Punna là bậc Hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp. Vị ấy không phiền nhiễu Ta với những câu hỏi về pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Punna đã nhập Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

## **Thảo luận**

***Thảo luận 1.** Nếu giáo pháp có thể được hướng dẫn ngắn gọn để thành tựu sự giác ngộ giải thoát thì tại sao sự đa văn được tán thán?*

***Thảo luận 2.** Tại sao có những chúng sanh ba la mật đã đầy đủ để viên thành đạo quả nhưng trong kiếp chót mãi đến lúc sắp mệnh chung mới thành tựu đạo quả?*

***Thảo luận 3.** Trong tinh thần hoằng pháp độ sanh có nên hay không nên tránh những đối tượng không có thiện cảm với Phật pháp?*

***Thảo luận 4.** Làm thế nào để khi các căn tiếp xúc với các cảnh khả ái, khả ý không dục nhiễm, tham cầu?*

***Thảo luận 5.** Cái nhìn tích cực có giúp chuyển hoá hoàn cảnh bên ngoài hay chỉ là cách tự an ủi?*

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Biên soạn Giáo trình: Tỷ kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

Kinh số 145 [tóm tắt]  
**Kinh Giáo Giới Phú-Lâu-Na**  
**(Punṇovāda Sutta)**  
(M.iii, 267)

Tôn giả Punṇa đến xin Thế Tôn giáo giới để có thể sống độc cư nhàn tịnh. Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả về thái độ vị Tỷ-kheo khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nếu có hân hoan thì có đau khổ, không hân hoan đối với các sắc, thanh, ... khả ái, hấp dẫn... thì không đau khổ. Sự diệt tận hân hoan là diệt tận đau khổ.

Sau khi thuyết pháp cho Tôn giả Punṇa, Thế Tôn hỏi Tôn giả sẽ sống ở quốc độ nào. Tôn giả bạch, sẽ đến Sunāparanta (Tây phương Du-na quốc). Đức Phật cho biết, dân ở đó rất hung ác. Punṇa có thể bị chúng mắng nhiếc, vậy thì sẽ làm sao? Punṇa trả lời: “Con sẽ nghĩ, như vậy, chúng còn hiền thiện vì không đánh bằng tay”. Đức Phật hỏi, nếu chúng đánh bằng tay? Punṇa đáp: “Con nghĩ chúng còn tốt, vì không đánh bằng cục đất”. Đức Phật hỏi, nếu bị đánh bằng những cục đất? Punṇa đáp: “Con nghĩ chúng còn tốt vì không đánh con bằng gậy”. Đức Phật hỏi, nếu chúng dùng gậy đánh? –”Con nghĩ chúng vẫn còn tốt, vì không lấy dao đâm”. Đức Phật hỏi, nếu chúng lấy dao đâm? –”Con nghĩ, chúng còn tốt vì chưa chém con đến nổi chết”. Còn nếu chém chết thì sao? –”Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, có người nhàm chán thân thể và sinh mạng, đi tìm con dao để tự sát. Nay con không cần tìm, đã được con dao, con sẽ nghĩ như vậy”.

Khi ấy Thế Tôn khen Tôn giả Punṇa đã đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh, có thể đi đến nước ấy.

Tôn giả Punṇa đến nước Sunāparanta chỉ trong khoảng mùa mưa đã nhiếp độ được 500 nam cư sĩ, 500 nữ cư sĩ và chứng Tam minh. Sau một thời gian, Ngài mệnh chung. Đức Thế Tôn cho biết Tôn giả đã nhập Niết-bàn, không trở lui đời này nữa.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*

-ooOoo-

Kinh số 145 [dàn ý]  
**Kinh Giáo Giới Phú-Lâu-Na**  
**(Puṇṇovāda Sutta)**  
(M.iii, 267)

**A. Duyên khởi:**

Tôn giả Puṇṇa thỉnh Thế Tôn thuyết pháp vắng tắt để Tôn giả có thể tinh cần hành trì. Thế Tôn nhận lời.

**B. Chánh kinh:**

I. Thế Tôn giảng vị Tỷ-kheo tham đắm năm dục trưởng dưỡng thời khổ sanh, không tham đắm 5 dục trưởng dưỡng đưa đến khổ diệt.

II. Khi được biết Tôn giả Puṇṇa sẽ sống ở Sunparanta, Thế Tôn hỏi Tôn giả sẽ phản ứng như thế nào đối với cách đối đãi bạo ngược của dân vùng ấy. Khi Tôn giả nói lên hạnh kham nhẫn của mình, Thế Tôn xác chứng Tôn giả Puṇṇa có thể sống tại địa phương ấy.

III. Tôn giả Puṇṇa hóa độ được 1000 nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chứng được 3 minh và mệnh chung.

IV. Thế Tôn xác chứng Tôn giả Puṇṇa đã nhập Niết-bàn.

**C. Kết luận:**

Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*  
-ooOoo-

Kinh số 145 [toát yếu]  
**Kinh Giáo Giới Phú-Lâu-Na**  
**(Punṇovāda Sutta)**  
(M.iii, 267)

## I. TOÁT YẾU

### *Advice to Punna.*

*The bhikkhu Punna receives a short exhortation from the Buddha and decides to go live among the fierce people of a remote territory.*

### *Lời khuyên Punna.*

*Tỷ kheo Punna nhận một lời khích lệ của Phật và quyết định đến sống giữa dân chúng dữ dằn tại một xứ xa xôi.*

## II. TÓM TẮT

Tôn giả Phú-lâu-na đến xin Phật giáo giới vắn tắt trước khi ông đi nhập thất tu hành. Phật dạy có các sắc do mắt nhận thức có liên hệ đến dục, hấp dẫn; nếu tỷ kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ, tham đắm trong ấy, hân hoan sanh. Từ sự tập khởi của hân hoan, có tập khởi của khổ.

Nếu không hoan hỷ, tán thưởng... thì hân hoan diệt. Từ sự diệt tận của hân hoan có sự diệt tận của khổ. Đối với thanh hương vị xúc pháp cũng thế.

Sau khi giáo giới vắn tắt như vậy, đức Thế Tôn hỏi tôn giả sẽ đi đâu. Tôn giả thưa, sẽ đến xứ Du-na (Sunāparanta) ở phía tây.

Phật dạy, dân xứ đó rất thô ác hung bạo, nếu họ mắng nhiếc nhục mạ ông thì sao. Phú-lâu-na đáp: Con sẽ nghĩ rằng họ vẫn còn hiền, vì họ không dùng tay đánh đập con.

Nếu họ dùng tay đánh ông thì sao? Bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ họ còn tốt, vì dùng tay đánh chứ không ném đất vào con.

Nếu họ lại ném đất vào người? Dạ con sẽ nghĩ họ vẫn còn tốt vì không dùng gậy mà đánh con.



Nếu họ đánh cả gậy? Thì con sẽ nghĩ họ còn tốt vì chưa dùng dao mà đánh.

Nếu họ đánh con bằng dao, con sẽ nghĩ họ vẫn còn tốt vì chỉ đánh chứ chưa dùng dao sắc để đoạt mạng con.

Nếu họ lấy dao sắc bén đoạt mạng con, con sẽ nghĩ rằng có những đệ tử của Thế Tôn nhằm chán thân thể và sinh mạng nên đã tìm con dao tọt sọt. Nay con không cần tìm mà vẫn được con dao.

Phật dạy Phú-lâu-na, nếu có đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh ấy, tôn giả có thể đến sống tại xứ kia. Sau khi đến đây chỉ trong một mùa an cư, tôn giả đã hóa độ cho nhiều cư dân và chứng ba minh.

Khi nghe tôn giả mệnh chung, chúng tỳ kheo đến hỏi Phật chỗ tái sanh của tôn giả. Phật dạy vị ấy đã nhập Niết-bàn.

### **III. CHÚ GIẢI**

Do có hân hoan mới có khổ; không hân hoan thì không khổ. Thái độ không hân hoan này không phải chán đời mà là hỷ túc: vui với bất cứ hoàn cảnh nào gặp phải; giải thoát mọi ham muốn.

### **IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

### **V. KỆ TỤNG**

Tôn giả Phú-lâu-na  
Đến xin thỉnh giáo  
Phật Trước khi đi tha phương  
Đề du hành du hóa.

Phật giáo giới vắn tắt:  
Các sắc mắt nhận thức  
Có liên hệ đến dục,  
Khả ái và hấp dẫn;  
Nếu tỳ kheo hoan hỷ,  
Tán thưởng và chấp thủ  
Tham đắm trong sắc ấy,  
Thì hân hoan sinh ra.

Do hân hoan, có khổ.  
Không đam mê trong đó  
Thì hân hoan cũng diệt  
Do vui diệt, khổ diệt.  
Vời thanh hương vị xúc  
Và pháp cũng như vậy.

Rồi đức Thế Tôn hỏi  
Tôn giả sẽ đi đâu?  
Con đến xứ Du-na  
Và sẽ sống tại đây.  
Này hỡi Phú-lâu-na  
Dân xứ đó hung ác  
Nếu lỡ chúng mắng nhiếc  
Nhục mạ ông thì sao?

Bạch Thế Tôn, con nghĩ  
Họ vẫn còn hiền thiện,  
Vì không dùng tay đánh

Nếu họ lại đánh ông?  
Con thấy họ còn tốt,  
Vì chỉ dùng tay đánh  
Không ném đất vào con.

Nếu người bị ném đất?  
Con nghĩ họ còn tốt  
Vì không đánh bằng gậy

Nếu họ dùng gậy đánh?  
Con sẽ thấy họ tốt  
Vì chưa dùng đến dao

Nếu họ đánh bằng dao,  
Con nghĩ họ vẫn tốt  
Vì không dùng dao bén  
Đến nỗi đoạt mạng con.  
Nếu họ lấy dao bén  
Đoạt mạng sống của con,  
Thì con sẽ nghĩ rằng

Có những đệ tử Phật  
Vì nhàm chán thân thể  
Tìm con dao tọt sát.  
Nay con không cần tìm  
Mà vẫn được con dao...

Phật dạy Phú-lâu-na,  
Đây đủ sự nhiếp phục  
Và an tịnh như thế,  
Tôn giả có thể đi  
Đến sống tại xứ kia.  
Sau một mùa an cư,  
Tại xứ Du-na ấy  
Tôn giả đã hóa độ  
Cho rất nhiều cư dân  
Và đã chứng ba minh.

Khi tôn giả mệnh chung,  
Chúng tửy khéo hỏi  
Phật Chỗ tái sanh tôn giả.  
Phật dạy: Phú-lâu-na  
Là một bậc hiền giả  
Thực hành Pháp, tùy Pháp  
Không phiền nhiễu  
Thế Tôn Vị thiện nam tử ấy  
Nay đã nhập Niết-bàn.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

## 145. Puṇṇovādasuttam [Mūla]

395. Evam me sutam : ekam samayam **Bhagavā** sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Atha kho āyasmā puṇṇo sāyanhasamayam paṭisallānā vuṭṭhito yena **Bhagavā** tenupasaṅkami upasaṅkamtivā bhagavantam abhivādetvā ekamantam nisīdi. Ekamantam nisinno kho āyasmā puṇṇo bhagavantam etadavoca : "sādhū maṃ, bhante, **Bhagavā** saṃkhittena ovādena ovadatu, yamaṃ bhagavato dhammaṃ sutvā eko vūpakaṭṭho appamatto ātāpī pahitatto vihareyyanti. "Tena hi, puṇṇa, suṇāhi, sādhukaṃ manasi karohi bhāsissāmīti. "Evam, bhanteti kho āyasmā puṇṇo bhagavato paccassosi. Bhagavā etadavoca : "santi kho, puṇṇa, cakkhaviññeyyā rūpā iṭṭhā kantā manāpā piyarūpā kāmūpasamhitā rajanīyā. Tam ce bhikkhu abhinandati abhivadati ajjhosāya tiṭṭhati. Tassa tam abhinandato abhivadato ajjhosāya tiṭṭhato uppajjati nandī [nandi (syā. kaṃ.)]. 'Nandīsamudayā dukkhasamudayo, puṇṇāti vadāmi. "Santi kho, puṇṇa, sotaviññeyyā saddā... ghānaviññeyyā gandhā... jivhāviññeyyā rasā... kāyaviññeyyā phoṭṭhabbā... manoviññeyyā dhammā iṭṭhā kantā manāpā piyarūpā kāmūpasamhitā rajanīyā. Tam ce bhikkhu abhinandati abhivadati ajjhosāya tiṭṭhati. Tassa tam abhinandato abhivadato ajjhosāya tiṭṭhato uppajjati nandī. 'Nandīsamudayā dukkhasamudayo, puṇṇāti vadāmi. "Santi ca kho, puṇṇa, cakkhaviññeyyā rūpā iṭṭhā kantā manāpā piyarūpā kāmūpasamhitā rajanīyā. Tam ce bhikkhu nābhinandati nābhivadati nājjhosāya tiṭṭhati. Tassa tam anabhinandato anabhivadato anajjhosāya tiṭṭhato nandī nirujjhati. 'Nandīnirodhā dukkhanirodho, puṇṇāti vadāmi. "Santi ca kho, puṇṇa, sotaviññeyyā saddā... ghānaviññeyyā gandhā... jivhāviññeyyā rasā... kāyaviññeyyā phoṭṭhabbā... manoviññeyyā dhammā iṭṭhā kantā manāpā piyarūpā kāmūpasamhitā rajanīyā. Tam ce bhikkhu nābhinandati nābhivadati nājjhosāya tiṭṭhati. Tassa tam anabhinandato anabhivadato anajjhosāya tiṭṭhato nandī nirujjhati. 'Nandīnirodhā dukkhanirodho, puṇṇāti vadāmi. "Iminā ca tvaṃ puṇṇa, mayā saṃkhittena ovādena ovadito katarasmim janapade viharissasīti? "imināham, bhante, bhagavatā saṃkhittena ovādena ovadito, atthi sunāparanto nāma janapado, tatthāham viharissāmīti.

396. "Caṇḍā kho, puṇṇa, sunāparantakā manussā pharusā kho, puṇṇa, sunāparantakā manussā. Sace tam, puṇṇa, sunāparantakā manussā akkosissanti paribhāsissanti, tattha te, puṇṇa, kinti bhavissatīti? "sace maṃ, bhante, sunāparantakā manussā akkosissanti paribhāsissanti, tattha me evaṃ bhavissati : 'bhaddakā [bhadrakā (ka.)] vatime sunāparantakā manussā, subhaddakā vatime sunāparantakā manussā, yaṃ me nayime pāṇinā pahāraṃ dentīti. Evamettha [evammettha (?)], **Bhagavā**, bhavissati evamettha, sugata, bhavissatīti. "Sace pana te, puṇṇa, sunāparantakā manussā pāṇinā pahāraṃ dassanti, tattha pana te, puṇṇa,

kinti bhavissatīti? "sace me, bhante, sunāparantakā manussā pāṇinā pahāraṃ dassanti, tattha me evaṃ bhavissati : 'bhaddakā vatime sunāparantakā manussā, subhaddakā vatime sunāparantakā manussā, yaṃ me nayime leḍḍunā pahāraṃ dentīti. Evamettha, **Bhagavā**, bhavissati evamettha, sugata, bhavissatīti. "Sace pana te, puṇṇa, sunāparantakā manussā leḍḍunā pahāraṃ dassanti, tattha pana te, puṇṇa, kinti bhavissatīti? "sace me, bhante, sunāparantakā manussā leḍḍunā pahāraṃ dassanti, tattha me evaṃ bhavissati : 'bhaddakā vatime sunāparantakā manussā, subhaddakā vatime sunāparantakā manussā, yaṃ me nayime daṇḍena pahāraṃ dentīti. Evamettha, **Bhagavā**, bhavissati evamettha, sugata, bhavissatīti. "Sace pana te, puṇṇa, sunāparantakā manussā daṇḍena pahāraṃ dassanti, tattha pana te, puṇṇa, kinti bhavissatīti? "sace me, bhante, sunāparantakā manussā daṇḍena pahāraṃ dassanti, tattha me evaṃ bhavissati : 'bhaddakā vatime sunāparantakā manussā, subhaddakā vatime sunāparantakā manussā, yaṃ me nayime satthena pahāraṃ dentīti. Evamettha, **Bhagavā**, bhavissati evamettha, sugata, bhavissatīti. "Sace pana te, puṇṇa, sunāparantakā manussā satthena pahāraṃ dassanti, tattha pana te, puṇṇa, kinti bhavissatīti? "sace me, bhante, sunāparantakā manussā satthena pahāraṃ dassanti, tattha me evaṃ bhavissati : 'bhaddakā vatime sunāparantakā manussā, subhaddakā vatime sunāparantakā manussā, yaṃ maṃ [yaṃ me (sī. pī. ka.)] nayime tiṇhena satthena jīvitā voropentīti. Evamettha, **Bhagavā**, bhavissati evamettha, sugata, bhavissatīti. "Sace pana taṃ, puṇṇa, sunāparantakā manussā tiṇhena satthena jīvitā voropessanti, tattha pana te, puṇṇa, kinti bhavissatīti? "sace maṃ, bhante, sunāparantakā manussā tiṇhena satthena jīvitā voropessanti, tattha me evaṃ bhavissati : 'santi kho bhagavato sāvakā kāye ca jīvite ca aṭṭiyamānā harāyamānā jigucchamānā satthahāraṃ pariyesanti. Taṃ me idaṃ apariyitṭhamyeva satthahāraṃ laddhanti. Evamettha, **Bhagavā**, bhavissati evamettha, sugata, bhavissatīti. "Sādhu, sādhu, puṇṇa! sakkhissasi kho tvam, puṇṇa, iminā damūpasamena samannāgato sunāparantasmim janapade viharitum. Yassadāni tvam, puṇṇa, kālaṃ maññasīti.

397. Atha kho āyasmā puṇṇo bhagavato bhāsitaṃ abhinanditvā anumoditvā utṭhāyāsanaṃ bhagavantam abhivādetvā padakkhiṇaṃ katvā senāsanaṃ saṃsāmetvā pattacīvaramādāya yena sunāparanto janapado tena cārikaṃ pakkāmi. Anupubbena cārikaṃ caramāno yena sunāparanto janapado tadavasari. Tatra sudam āyasmā puṇṇo sunāparantasmim janapade viharati. Atha kho āyasmā puṇṇo tenevantaravassena pañcamattāni upāsakasatāni paṭivedesi [paṭipādesi (sī. pī.), paṭidesesi (syā. kaṃ.)], tenevantaravassena pañcamattāni upāsikasatāni paṭivedesi, tenevantaravassena tisso vijjā sacchākāsi. Atha kho āyasmā puṇṇo aparena samayena parinibbāyi. Atha kho sambahulā bhikkhū yena **Bhagavā** tenupasaṅkamimsu upasaṅkamtivā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdimsu. Ekamantaṃ nisinnā kho te bhikkhū bhagavantam etadavocum : "yo so,

bhante, puṇṇo nāma kulaputto bhagavatā saṃkhittena ovādena ovadito so kālāṅkato. Tassa kā gati, ko abhisamparāyoti? "paṇḍito, bhikkhave, puṇṇo kulaputto paccapādi [saccavādī dhammavādī (ka.)] dhammassānudhammaṃ, na ca maṃ dhammādhikaraṇaṃ viheṭhesi. Parinibbuto, bhikkhave, puṇṇo kulaputtoti. Idamavoca **Bhagavā**. Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī.

Puṇṇovādasuttaṃ niṭṭhitaṃ tatiyaṃ.

## 145. Puṇṇovādasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

**395. Evaṃ me sutanti** puṇṇovādasuttam. Tattha **paṭisallānāti** ekībhāvā. **Taṃ ceti** taṃ cakkhuñceva rūpañca. **Nandīsamudayā dukkhasamudayoti** nandiyā taṇhāya samodhānena pañcakkhandhadukkhasa samodhānaṃ hoti. Iti chasu dvāresu dukkhaṃ samudayoti dvinnam saccānaṃ vasena vaṭṭaṃ matthakaṃ pāpetvā dassesi. Dutīyanaye nirodho maggoti dvinnam saccānaṃ vasena vivatṭaṃ matthakaṃ pāpetvā dassesi. **Iminā ca tvaṃ puṇṇāti** pāṭiyekko anusandhi. Evaṃ tāva vaṭṭavivaṭṭavasena desanaṃ arahatte pakkipitvā idāni puṇṇattheraṃ sattu sūhānesu sīhanādaṃ nadāpetuṃ **iminā ca tvantiādīmāha**.

**396. Caṇḍāti** dutṭhā kibbisā. **Pharusāti** kakkhaḷā. **Akkosissantīti** dasahi akkosavatthūhi akkosissantī. **Paribhāsissantīti** kiṃ samaṇo nāma tvaṃ, idañca idañca te karissāmāti tajjessanti. **Evametthāti** evaṃ mayhaṃ ettha bhavissati.

**Daṇḍenāti** catuhatthena daṇḍena vā ghaṭikamuggarena vā. **Satthenāti** ekatodhārādīnā. **Satthahāraṃ pariyesantīti** jīvitahāraṃ satthaṃ pariyesanti. Idaṃ thero tatiyapārājikavatthusmiṃ asubhakathaṃ sutvā attabhāvena jigucchantānaṃ bhikkhūnaṃ satthahārapariyesanaṃ sandhāyāha. **Damūpasamenāti** ettha **damoti** indriyasamvarādīnaṃ etaṃ nāmaṃ. “Saccena danto damasā upeto, vedantagū vusitabrahmacariyo”ti (saṃ. ni. 1.195; su. ni. 467) ettha hi indriyasamvaro damoti vutto. “Yadi saccā damā cāgā, khantiyā bhīyyodha vijjati”ti (saṃ. ni. 1.246; su. ni. 191) ettha paññā damoti vutto. “Dānena damena samyamena saccavajjena”ti (dī. ni. 1.166; ma. ni. 2.226) ettha uposathakammaṃ damoti vuttaṃ. Imasmim pana sutte khanti damoti veditabbā. **Upasamoti** tasseva vevacanaṃ.

**397. Atha kho āyasmā puṇṇoti** ko panaesa puṇṇo, kasmā panettha gantukāmo ahoṣīti. Sunāparantavāsiko eva eso, sāvattīyaṃ pana asappāyavihāraṃ sallakkhetvā tattha gantukāmo ahoṣi.

Tatrāyaṃ anupubbikathā – sunāparantaratthe kira ekasmim vāṇijakagāme ete dve bhātaro. Tesu kadāci jeṭṭho pañca sakaṭasatāni gahetvā janapadaṃ gantvā bhaṇḍaṃ āharati, kadāci kaniṭṭho. Imasmim pana samaye kaniṭṭhaṃ ghare ṭhapetvā jeṭṭhabhātiko pañca sakaṭasatāni gahetvā janapadacārikaṃ caranto anupubbena sāvattim patvā jetavanassa nātidūre sakaṭasatthaṃ nivāsetvā bhuttapātarāso parijanaparivuto phāsukatṭhāne nisīdi.

Tena ca samayena sāvattvivāsino bhuttapātarāsā uposathaṅgāni adhiṭṭhāya suddhuttarāsāṅgā gandhapupphādihattā yena buddho yena dhammo yena saṅgho, tanninnā tapponā tappābbhārā hutvā dakkhiṇadvārena nikkhamitvā jetavanam gacchanti. So te disvā “kahaṃ ime gacchanti”ti ekamanussam pucchi. Kiṃ tvam ayyo na jānāsi, loke buddhadhammasaṅgharatanāni nāma uppannāni, iccesa mahājano satthu santike dhammakatham sotum gacchatīti. Tassa buddhoti vacanam chavicammādīni chinditvā aṭṭhimiṅjam āhacca aṭṭhāsi. Atha attano parijanaparivuto tāya parisāya saddhim vihāram gantvā satthu madhurassarena dhammam desentassa parisapariyante ṭhito dhammam sutvā pabbajjāya cittaṃ uppādesi. Atha tathāgatena kālam viditvā parisāya uyyojitāya sathhāram upasaṅkamtivā vanditvā svātanāya nimantetvā dutiyadivase maṇḍapam kāretvā āsanāni paññapetvā buddhappamukhassa saṅghassa mahādānam datvā bhuttapātarāso uposathaṅgāni adhiṭṭhāya bhaṇḍāgārikam pakkosāpetvā, ettakam bhaṇḍam vissajjitam, ettakam na vissajjitanti sabbam ācikkhitvā – “imam sāpateyyam mayham kaniṭṭhassa dehī”ti sabbam niyyātetvā satthu santike pabbajitvā kammaṭṭhānaparāyaṇo ahoṣi.

Athassa kammaṭṭhānam manasikarontassa kammaṭṭhānam na upaṭṭhāti. Tato cintesi – “ayam janapado mayham asappāyo, yamṇūnāham satthu santike kammaṭṭhānam gahetvā sakatṭhānameva gaccheyya”nti. Atha pubbaṅhasamaye piṇḍāya caritvā sāyanhasamaye paṭisallānā vuṭṭhahitvā bhagavantam upasaṅkamtivā kammaṭṭhānam kathāpetvā satta sīhanāde naditvā pakkāmi. Tena vuttam – “atha kho āyasmā puṇṇo...pe... viharatī”ti.

Kattha panāyam vihāsīti? Catūsu ṭhānesu vihāsi, sunāparantarattam tāva pavisitvā **ajjuhatthapabbate** nāma pavisitvā vāṇijagāmam piṇḍāya pāvīsi. Atha nam kaniṭṭhabhātā sañjānitvā bhikkham datvā, “bhante, aññattha agantvā idheva vasathā”ti paṭiññam kāretvā tattheva vasāpesi.

Tato **samuddagirivihāram** nāma agamāsi. Tattha ayakantapāsāṇehi paricchinditvā katacaṅkamo atthi, tam koci caṅkamtum samattho nāma natthi. Tattha samuddavīciyo āgantvā ayakantapāsāṇesu paharivā mahāsaddam karonti. Theronam – “kammaṭṭhānam manasikarontānam phāsuvihāro hotū”ti samuddam nissaddam katvā adhiṭṭhāsi.

Tato **mātulagirim** nāma agamāsi. Tattha sakuṇasaṅgho ussanno, rattiṅca divā ca saddo ekābaddhova hoti, thero imam ṭhānam aphāsukanti tato **makulakārānavihāram** nāma gato. So vāṇijagāmassa nātidūro naccāsanno gamanāgamanasampanno vivitto appasaddo. Thero imam ṭhānam phāsukanti tattha rattitṭhānadivāṭṭhānacāṅkamanādīni kāretvā vassam upagacchi. Evaṃ catūsu ṭhānesu vihāsi.



Athekadivasam tasmimyeva antovasse pañca vāṇijasatāni parasamuddam gacchāmāti nāvāya bhaṇḍam pakkhipim̐su. Nāvārohanadivase therassa kaniṭṭhabhātā theram̐ bhojetvā therassa santike sikkhāpadāni gahetvā vanditvā gacchanto, – “bhante, mahāsamuddo nāma appameyyo anekantarāyo, amhe āvajjeyyāthā”ti vatvā nāvaṃ āruhi. Nāvā uttamajavena gacchamānā aññataram̐ dīpakam̐ pāpuṇi. Manussā pātarāsam̐ karissāmāti dīpake otiṇṇā. Tasmim̐ dīpe aññam̐ kiñci natthi, candanavanameva ahosi.

Atheko vāsiyā rukkham̐ ākoṭetvā lohitaḥcandanabhāvaṃ ñatvā āha – “bho mayam̐ lābhatthāya parasamuddam̐ gacchāma, ito ca uttari lābho nāma natthi, caturaṅgulamattā ghaṭikā satahassam̐ agghati, hāretabbakayuttam̐ bhaṇḍam̐ hāretvā candanassa pūremā”ti. Te tathā karim̐su. Candanavane adhivatthā amanussā kujjhitvā – “imehi amhākam̐ candanavanam̐ nāsitam̐, ghātessāma ne”ti cintetvā – “idheva ghātitesu sabbam̐ vanam̐ ekam̐ kuṇapam̐ bhavissati, samuddamajjhe nesam̐ nāvaṃ osīdessāmā”ti āham̐su. Atha tesam̐ nāvaṃ āruya muhuttam̐ gatakāleyeva uppādikam̐ utṭhapetvā sayampi te amanussā bhayānakāni rūpāni dassayim̐su. Bhītā manussā attano attano devatā namassanti. Therassa kaniṭṭho cūlapuṇṇakuṭumbiko – “mayham̐ bhātā avassayo hotū”ti therassa namassamāno aṭṭhāsi.

Theropi kira tasmimyeva khaṇe āvajjitvā tesam̐ byasanuppattim̐ ñatvā vehāsam̐ uppattitvā sammukhe aṭṭhāsi. Amanussā theram̐ disvā “ayyo puṇṇatthero etī”ti pakkamim̐su, uppādikam̐ sannisīdi. Thero mā bhāyathāti te assāsetvā “kham̐ gantukāmatthā”ti pucchi. Bhante, amhākam̐ sakatṭhānameva gacchāmāti. Thero nāvaṃ phale akkamitvā “etesam̐ icchitatṭhānam̐ gacchatū”ti adhiṭṭhāsi. Vāṇijā sakatṭhānam̐ gantvā tam̐ pavattim̐ puttadārassa ārocetvā “etha theram̐ saraṇam̐ gacchāmā”ti pañcasatā attano pañcamātugāmasatehi saddhim̐ tīsu saraṇesu patitṭhāya upāsakattam̐ paṭivedesum̐. Tato nāvāya bhaṇḍam̐ otāretvā therassa ekam̐ koṭṭhāsam̐ katvā – “ayam̐, bhante, tumhākam̐ koṭṭhāso”ti āham̐su. Thero – “mayham̐ visum̐ koṭṭhāsakiccam̐ natthi, satthā pana tumhehi ditṭhapubbo”ti. Na ditṭhapubbo, bhanteti. Tena hi iminā satthu maṇḍalamālam̐ karoṭha, evam̐ satthāram̐ passissathāti. Te sādhu, bhanteti tena ca koṭṭhāsena attano ca koṭṭhāsehi maṇḍalamālam̐ kātum̐ ārabhim̐su.

Satthāpi kira āraddhakālato paṭṭhāya paribhogam̐ akāsi. Ārakkhamanussā rattim̐ obhāsam̐ disvā “mahesakkhā devatā atthī”ti saññam̐ karim̐su. Upāsakā maṇḍalamālañca bhikkhusaṅghassa ca senāsanāni nitṭhapetvā dānasambhāram̐ sajjetvā – “katam̐, bhante, amhehi attano kiccam̐, satthāram̐ pakkosathā”ti therassa ārocesum̐. Thero sāyanhasamaye iddhiyā sāvattim̐ patvā, “bhante, vāṇijagamāvāsino tumhe datṭhukāmā, tesam̐ anukampam̐ karoṭhā”ti bhagavantam̐

yāci. Bhagavā adhvāsēsi. Thero bhagavato adhvāsanaṃ viditvā sakaṭṭhānameva paccāgato.

Bhagavāpi ānandatheraṃ āmantesi, – “ānanda, sve sunāparante vāṇijagāme piṇḍāya carissāma, tvaṃ ekūnapaṅcasatānaṃ bhikkhūnaṃ salākaṃ dehī”ti. Thero sādhu, bhanteti bhikkhusaṅghassa tamatthaṃ ārocetvā nabhacārikā bhikkhū salākaṃ gaṇhantūti āha. Taṃdivasaṃ kuṇḍadhānatthero paṭhamaṃ salākaṃ aggahesi. Vāṇijagāmaṃvāsīnopi “sve kira sathā āgamissatī”ti gāmaṃajjhe maṇḍapaṃ katvā dānaggaṃ sajjayīṃsu. Bhagavā pātova sarīrapaṭṭijaggaṃ katvā gandhakuṭṭim pavisitvā phalasaṃpattim appetvā nisīdi. Sakkassa paṇḍukambalasilāsaṃ uṇhaṃ ahosi. So kiṃ idanti āvajjetvā satthu sunāparantaḡamaṃ disvā vissakammaṃ āmantesi – “tāta ajja bhagavā timattāni yojanasatāni piṇḍācāraṃ karissati, paṅca kūtāgārasatāni māpetvā jetavanadvāraḡaṭṭhamatthake gamaṃasajjāni katvā ṭhapehī”ti. So tathā akāsi. Bhagavato kūtāgāraṃ catumukhaṃ ahosi, dvinnaṃ aggasāvakaṃ dvimukhāni, sesāni ekamukhāni. Sathā gandhakuṭṭito nikkhamma paṭṭipāṭiyā ṭhapitakūtāgāresu dhurakūtāgāraṃ pāvīsi. Dve aggasāvake ādim katvā ekūnapaṅcabhikkhusatānīpi kūtāgāraṃ gantvā nisinnā ahesuṃ. Ekam tuccakūtāgāraṃ ahosi, paṅcapi kūtāgārasatāni ākāse uppatīṃsu.

Sathā saccabandhapabbataṃ nāma patvā kūtāgāraṃ ākāse ṭhapesi. Tasmim pabbate saccabandho nāma micchādīṭṭhikatāpaso mahājanaṃ micchādīṭṭhim uggaṇhāpento lābhaggaṃyasaḡgappatto hutvā vasati. Abbhantare cassa antocāṭiyam paḡipo viya arahattassa upanissayo jalati. Taṃ disvā dhammaṃassa kathessāmīti gantvā dhammaṃ desesi. Tāpaso desanāpariyosāne arahattaṃ pāpuṇi, maggenevāssa abhiññā āgatā. Ehibhikkhu hutvā iddhimayaḡattacīvaradharo hutvā kūtāgāraṃ pāvīsi.

Bhagavā kūtāgāragatehi paṅcahi bhikkhusatehi saddhim vāṇijagāmaṃ gantvā kūtāgārāni adissamānāni katvā vāṇijagāmaṃ pāvīsi. Vāṇijā buddhappamukhassa bhikkhusaṅghassa mahādānaṃ datvā sathāraṃ makulakārāmaṃ nayīṃsu. Sathā maṇḍalamālaṃ pāvīsi. Mahājano yāva sathā bhattadarathaṃ paṭṭipassambhetti, tāva pātarāsaṃ katvā uposathaṅgāni samādāya baḡuṃ gandhaṅca pupphaṅca ādāya dhammassavanatthāya ārāmaṃ paccāgamāsi. Sathā dhammaṃ desesi. Mahājanassa bandhanaṃmokkho jāto, mahantaṃ buddhakoḡhalaṃ ahosi.

Sathā mahājanassa saṅghatthaṃ katipāhaṃ tattheva vasi, aruṇaṃ pana mahāgandhakuṭṭiyāmyeva utṭhapesi. Tattha katipāhaṃ vasitvā vāṇijagāme piṇḍāya caritvā “tvaṃ idheva vasāhī”ti puṇṇattheraṃ nivattetvā antare nammaḡādānādī nāma atthi, tassā tīraṃ agamāsi. Nammaḡādānāgarājā satthu paccuggamaṃ katvā nāgabhavanaṃ pavesetvā tiṇṇaṃ ratanānaṃ sakkāraṃ akāsi. Sathā tassa dhammaṃ

kathetvā nāgabhavanā nikkhami. So – “mayhaṃ, bhante, paricaritabbaṃ dethā”ti yāci, bhagavā nammadānadītīre padacetiyam dassesi. Taṃ vīcīsu āgatāsu pidhīyati, gatāsu vivarīyati, mahāsakkārappattaṃ ahosi. Satthā tato nikkhamma saccabandhapabbataṃ gantvā saccabandham āha – “tayā mahājano apāyamagge otārito, tvaṃ idheva vasitvā etesaṃ laddhiṃ vissajjāpetvā nibbānamagge patiṭṭhāpehī”ti. Sopi paricaritabbaṃ yāci. Satthā ghanapiṭṭhipāsāṇe allamattikaṇḍamhi lañchanam viya padacetiyam dassesi, tato jetavanameva gato. Etamatthaṃ sandhāya **tenevantaravassenāti**ādi vuttaṃ.

**Parinibbāyī**ti anupādisesāya nibbānadhātuyā parinibbāyī. Mahājano therassa satta divasāni sarīrapūjam katvā bahūni gandhakaṭṭhāni samodhānetvā sarīram jhāpetvā dhātuyo ādāya cetiyam akāsi. **Sambahulā bhikkhū**ti therassa ālāhane ṭhitabhikkhū. Sesam sabbattha uttānamevāti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Puṇṇovādasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.